

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – HÀ NỘI

- Căn cứ vào Điều 144, 147, 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 55, 57, 58, 71, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý **số 1093/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2026** về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Anh **Bùi Hữu T**, sinh năm 1966; CCCD số 030066000671 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 13/06/2026; Nơi ở hiện tại: **Tổ A**
Cụm B Tt B Tư Lệnh C, phường T, Hà Nội.

- Chị **Lê Thị N**, sinh năm 1972; CCCD số 038172002303 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/11/2021; Nơi ở hiện tại: **Tổ A**
Cụm B Tt B Tư Lệnh C, phường T, Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Chị **Lê Thị N** và anh **Bùi Hữu T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, quận B, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận kết hôn số 010/1992 ngày 16/01/1992.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành ngày 02 tháng 10 năm 2026 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 1093/2026/TLST-HNGĐ ngày 02/10/2026.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành ngày 02 tháng 10 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị **Lê Thị N** và anh **Bùi Hữu T**.

- Về con chung: Chị **Lê Thị N** và anh **Bùi Hữu T** xác nhận có 02 (Hai) con chung là cháu **Bùi Kiều T1**, sinh ngày 04/04/1993 và cháu **Bùi Hương G**, sinh ngày 01/06/2000.

Cháu **Bùi Kiều T1** và cháu **Bùi Hương G** đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên Tòa án không xem xét.

- Về tài sản chung và nhà ở: Chị **Lê Thị N** và anh **Bùi Hữu T** thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về công nợ: Chị **Lê Thị N** và anh **Bùi Hữu T** không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về lệ phí Toà án: **Chị Lê Thị N** tự nguyện chịu cả 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí ly hôn sơ thẩm. **Chị Lê Thị N** được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) **chị** đã nộp đủ theo biên lai thu tiền số **0006126 ngày 29/9/2026** của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Hà Nội.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- VKSND khu vực 1 – Hà Nội;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Tòa án ND TP. Hà Nội;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Hà Nội;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hồng Hà